TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân**.

Các Hội thẩm nhân dân:Bà Dương Thị Kim Hồng và bà Ngô Thị Thơm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dươngtham gia phiên toà: Bà Phan Thị Thu H -Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số 248/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 175/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Hồng H,** sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn X, xã Gi, huyện Gi, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Tăng Đức L**, sinh năm 1984.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn X, xã Gi, huyện Gi, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Nhật Bản.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tăng Đức L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gi, huyện Gi, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/11/2007. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại gia đình anh L, vợ chồng

chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau và thường xuyên cãi nhau. Năm 2019 anh L đi lao động tại Nhật Bản, trong thời gian ở nước ngoài, anh L không quan tâm và có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng mỗi người ở một nơi nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã sống ly thân nhiều năm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Tăng Đức L theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Tăng Đức Ph, sinh ngày 06/4/2008 và Tăng Phương Tr, sinh ngày 30/4/2011, hiện đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi hai con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng theo quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Tăng Đức Ph và Tăng Phương Tr có nguyện vọng được ở cùng với mẹ là Trần Thị Hồng H.

Tại lời khai của ông Tăng Đức Ng và bà Bùi Thị Th (bố mẹ đẻ của anh Tăng Đức L) thể hiện: Anh L hiện đang sinh sống tại Nhật Bản, địa chỉ cụ thể thì ông bà không biết, nhưng anh L thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh L biết.Vợ chồng chị H, anh L xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm, nghi ngờ, không có sự tin tưởng lẫn nhau khiến vợ chồng xảy ra tranh cãi. Thời gian sau này anh L đi lao động tại Nhật Bản, mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng. Thực tế anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H có đơn ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp L để giải quyết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, ông bà đã thông báo cho anh L biết. Anh L không gửi văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án nhưng có trao đổi với ông bà qua điện thoại và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn.Về con chung: Đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của con chung, trường hợp con chung có nguyện vọng được ở với chị H thì anh cũng nhất trí.Về tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi các đương sự đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị Trần Thị Hồng H và anh Tăng Đức L kết hôn hợp pháp. Trong thời gian sinh sống tại địa phương, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không có sự tin tưởng nhau. Thời gian sau này anh L đi nước ngoài, vợ chồng mỗi người ở một nơi và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị H có đơn đề nghị giải quyết ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp L để đảm bảo quyền lợi của các đương sự trong vụ án.

Tại phiên tòa: Chị Trần Thị Hồng H vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Tăng Đức L vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ L tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), bị đơn giấu địa chỉ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 L HNGĐ, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Trần Thị Hồng H ly hôn anh Tăng Đức L. Về con chung: Giao hai con chung là Tăng Đức Ph, sinh ngày 06/4/2008 và Tăng Phương Tr, sinh ngày 30/4/2011 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh Tăng Đức L có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.500.000 đồng/01 con chung/01tháng. Chị H, anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Tăng Đức L có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn X, xã Gi, huyện Gi, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Nhật Bản, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy,Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và gia đình ông Ngọt, bà Thảnh không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp L. Mặt khác, gia đình ông Ngọt, bà Thảnh vẫn thường xuyên liên lạc với anh L nên Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho anh L biết việc chị H đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho anh L biết. Tại phiên tòa, anh L vắng mặt lần thứ hai, chị H có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ L tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp L.

[2]Về nội dung:

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng H và anh Tăng Đức L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gi, huyện Gi, tỉnh Hải Dương, ngày 05/11/2007, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp, thường cãi nhau, không có sự tôn trọng, tin tưởng

lẫn nhau, thực tế vợ chồng mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm tới ai. Anh Tăng Đức L không thể hiện quan điểm bằng văn bản nhưng thông qua việc liên lạc với gia đình, anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trần Thị Hồng H và anh Tăng Đức L đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được và được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình, quan điểm của địa phương và của các đương sự. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Trần Thị Hồng H ly hôn anh Tăng Đức L là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị Hồng H và anh Tăng Đức L có hai con chung là Tăng Đức Ph, sinh ngày 06/4/2008 và Tăng Phương Tr, sinh ngày 30/4/2011. Xét về thực tế các con chung hiện đang sinh sống ổn định với chị H và đều có nguyện vọng ở cùng mẹ. Anh L hiện đang ở nước ngoài nên không có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con, anh L cũng đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của con chung, trường hợp các con chung muốn được ở cùng mẹ thì anh cũng nhất trí. Bản thân chị H còn trẻ, có sức khỏe, thu nhập và chỗ ở ổn định. Để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển về mọi mặt của con chung, HĐXX chấp nhận giao cho chị Trần Thị Hồng H nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và các Điều 81, 82 và 83 L Hôn nhân và gia đình. Nếu anh L có căn cứ cho rằng chị H không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì anh có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp L.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Quá trình giải quyết vụ án, chị H yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định. HĐXX thấy anh L hiện đang lao động tại nước ngoài và có thu nhập, các con chung đang trong độ tuổi đi học. Bên cạnh đó, theo kết quả xác minh tại địa phương thể hiện mức chi phí sinh hoạt phục vụ nhu cầu thiết yếu cho trẻ trong độ tuổi trên là 3.000.000 đồng/tháng. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên và khả năng cấp dưỡng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, cần buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 1.500.000đồng/01 con chung/01 tháng, cả 02 con chung là 3.000.000đ/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 110, 116 L hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp L (nếu có).

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Hồng H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm, anh Tăng Đức L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83; 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điểm a, Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Trần Thị Hồng H** ly hôn anh **Tăng Đức L**

2.Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Hồng H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Tăng Đức Ph, sinh ngày 06/4/2008 và Tăng Phương Tr, sinh ngày 30/4/2011. Buộc anh Tăng Đức L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Tăng Đức Ph là 1.500.000đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng) và Tăng Phương Tr là 1.500.000đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Không ai được cản trở anh Tăng Đức L thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357, 468 của Bộ Luật dân sự. Trừ trường hợp pháp Luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000782 ngày 05/6/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Anh Tăng Đức L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng cho con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Hồng H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp L.

Anh Tăng Đức L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp L.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 L Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7và Điều 9 L thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 L thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Gi, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân